

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **46/2018/HNGĐ.ST**
Ngày **10/7/2018**
V/v tranh chấp “*Ly hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Mến**

2. Bà **Trần Thị Sáng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Hạnh Nhung**- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018 Tòa án nhân dân quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 60/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình “*Ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/QĐXXST- HN ngày 12/6/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **LÊ THỊ B**, sinh năm 1983. Địa chỉ: đường N, khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **NGUYỄN THANH T**, sinh năm 1984. Địa chỉ: đường N, khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/02/2018 của nguyên đơn là bà Lê Thị B và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn vào năm 2003, đến năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, quận N, thành phố Cần Thơ. Sau khi chung sống thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do ông T không lo phụ giúp kinh tế gia đình với bà; ngoài ra, thời gian gần đây, ông T còn có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường cự cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt, kéo dài đến tháng 7/2017 âm lịch thì ly thân cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là: Nguyễn Lê Bích T1 (nữ) sinh ngày 19/02/2010 và Nguyễn Lê Tuyên T2 (nam) sinh ngày 17/4/2014. Hai con hiện đang sống chung với bà. Bà yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Thanh T cho rằng: thừa nhận thời điểm kết hôn, quan hệ hôn nhân và con chung như bà B trình bày là đúng. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường hay xảy ra bất hòa. Nay ông vẫn còn thương vợ con nên mong muốn hàn gắn đoàn tụ lại, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao hai con cho bà B nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống năm 2003, đến năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, quận N, thành phố Cần Thơ nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện; quá trình chung sống có thời gian hạnh phúc và đã có 02 con chung với nhau. Tuy nhiên, trong cuộc sống hôn nhân, lẽ ra cả hai vợ chồng phải có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau phát triển kinh tế gia đình để xây dựng hôn nhân T2 bộ và bền vững nhưng ông bà không làm được điều đó nên dẫn đến hôn nhân đổ vỡ là điều tất yếu. Nay bà B yêu cầu ly hôn, còn ông T cho rằng còn thương vợ con, mong muốn hàn gắn đoàn tụ lại nhưng xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến hôm nay, ông T vẫn không có động thái hay đưa ra giải pháp nào hiệu quả để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại. Vì vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà B ly hôn với ông T là phù hợp.

[2] *Về con chung:* Có 02 con chung là: Nguyễn Lê Bích T1 (nữ) sinh ngày 19/02/2010 và Nguyễn Lê Tuyên T2 (nam) sinh ngày 17/4/2014. Bà B có yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con và ông T cũng đồng ý nên ghi nhận.

Do bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Do ông T không trực tiếp nuôi con nên dành quyền thăm nom con chung cho ông T theo quy định pháp luật.

[3] *Về tài sản chung*: Không có nên không giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Cả hai xác định không có nên không giải quyết. Nếu sau này có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà B phải chịu 300.000đ án phí tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị B.

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Cho bà Lê Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2. **Về con chung**: Có 02 con chung là: Nguyễn Lê Bích T1 (nữ) sinh ngày 19/02/2010 và Nguyễn Lê Tuyền T2 (nam) sinh ngày 17/4/2014.

Giao hai con cho bà Lê Thị B tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Nguyễn Thanh T theo quy định pháp luật.

3. **Về tài sản chung**: Không có nên không giải quyết.

4. **Về nợ**: Cả hai xác định không có nên không giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp, sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

5. **Về án phí dân sự sơ thẩm**:

Bà Lê Thị B phải chịu 300.000đ án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ theo biên lai số 006297 ngày 07/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ. Bà B đã nộp xong án phí.

6. **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không

có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THA Q. C.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Nguyễn Thị Thùy Trang